

Luật thuế thu nhập cá nhân

TS. Trần Quang Vũ

TÀI LIỆU XEM THỬ
0913.106015 

Tài liệu chỉ dùng cho mục đích học tập,
không kinh doanh thương mại hoặc giảng dạy

Chương II: Căn cứ tính thuế đối với cá nhân cư trú

Mục 1: Xác định thu nhập chịu thuế & thu nhập tính thuế

TÀI LIỆU XEM THỬ
0913.106015 

Tài liệu chỉ dùng cho mục đích học tập,
không kinh doanh thương mại hoặc giảng dạy

Luật thuế thu nhập cá nhân

Điều 10. Thuế đối với cá nhân kinh doanh

Thuế TNCN

=

Doanh thu

×

Thuế suất %



Toàn bộ số tiền thu
được từ hoạt động SX, KD



Cơ quan Thuế ấn định
doanh thu

Phân phối, cung cấp
hàng hóa

0,5 %

Dịch vụ, xây dựng
(không bao thầu NVL)

2 %

Cho thuê tài sản, đại lý bảo hiểm/xổ số,
đại lý bán hàng đa cấp

5 %

Sản xuất, vận tải,
dịch vụ gắn với HH,
xây dựng bao thầu NVL

1,5 %

Kinh doanh khác

1 %



TÀI LIỆU XEM THỬ
0913.106015



Tài liệu chỉ dùng cho mục đích học tập,
không kinh doanh thương mại hoặc giảng dạy

Điều 12. Thu nhập chịu thuế từ đầu tư vốn

1. Thu nhập chịu thuế từ đầu tư vốn là tổng số các khoản thu nhập từ đầu tư vốn quy định tại khoản 3 Điều 3 của Luật này mà đối tượng nộp thuế nhận được trong kỳ tính thuế.

③ Thu nhập từ đầu tư vốn



c) Các hình thức khác
trừ thu nhập từ lãi trái
phiếu Chính phủ

Luật thuế thu nhập cá nhân

Điều 13. TN chịu thuế từ chuyển nhượng vốn

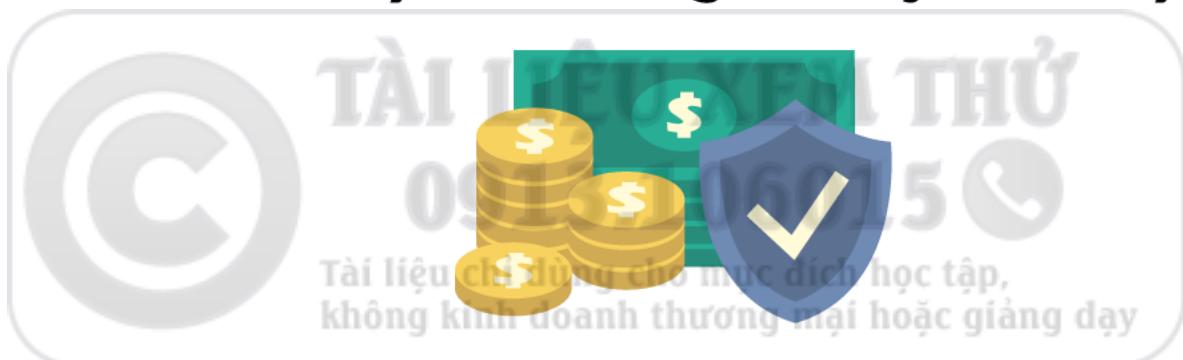
Thu nhập
Chuyển nhượng vốn

= Giá bán – Giá mua – Chi phí hợp lý



Chuyển nhượng chứng khoán:

TN chịu thuế là giá chuyển nhượng từng lần



Luật thuế thu nhập cá nhân

Điều 14. Thu nhập chịu thuế từ chuyển nhượng BĐS

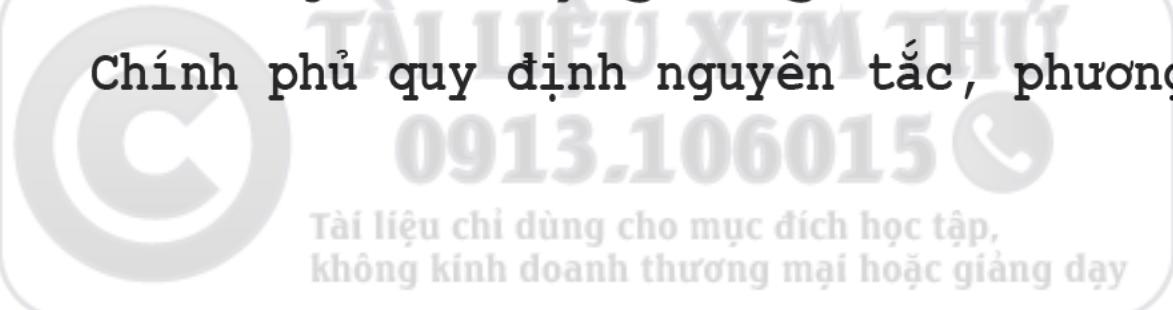
TNCT từ chuyển nhượng BĐS được xác định là giá chuyển nhượng từng lần.



1.350.000.000

Giá chuyển nhượng từng lần

Chính phủ quy định nguyên tắc, phương pháp xác định giá chuyển nhượng BĐS.



Luật thuế thu nhập cá nhân

Điều 15-18: Bản quyền, nhượng quyền, thừa kế, quà tặng

TNCT từ trúng thưởng



TNCT từ bản quyền



TNCT từ nhượng quyền thương mại



TNCT từ thừa kế, quà tặng



Phần TN vượt trên

10.000.000

Luật thuế thu nhập cá nhân

Điều 19. Giảm trừ gia cảnh

Giảm trừ gia cảnh là số tiền được trừ vào thu nhập chịu thuế trước khi tính thuế.

Áp dụng:



Thu nhập từ kinh doanh

Mỗi người phụ thuộc chỉ được tính giảm trừ một lần vào một đối tượng nộp thuế



TN từ tiền lương, tiền công

Tài liệu chỉ dùng cho mục đích học tập
không kinh doanh thương mại hoặc giảng dạy

Mức giảm trừ:

11.000.000đ



Người nộp thuế

4.400.000đ



Người phụ thuộc

Luật thuế thu nhập cá nhân

Điều 19. Giảm trừ gia cảnh

Người phụ thuộc là người mà đối tượng nộp thuế có trách nhiệm nuôi dưỡng:



a) Con chưa thành niên

Tài liệu chỉ dùng cho mục đích học tập,
không kinh doanh thương mại hoặc giảng dạy



b) Con bị tàn tật, không có khả
năng lao động

Luật thuế thu nhập cá nhân

Điều 19. Giảm trừ gia cảnh

Cá nhân không có thu nhập hoặc có thu nhập không vượt quá mức quy định:



- c) Con thành niên đang học ĐH, CĐ, trung học chuyên nghiệp hoặc học nghề**



- d) Vợ hoặc chồng không có khả năng lao động**

Luật thuế thu nhập cá nhân

Điều 19. Giảm trừ gia cảnh

Cá nhân không có thu nhập hoặc có thu nhập không vượt quá mức quy định:



- f) Bố, mẹ đã hết tuổi lao động hoặc không có khả năng lao động

Tài liệu chỉ dùng cho mục đích học tập
không kinh doanh thương mại hoặc giảng dạy



- g) Những người không nơi nương tựa mà NNT phải trực tiếp nuôi dưỡng

Chương II: Căn cứ tính thuế đối với cá nhân cư trú

Mục 2: Biểu thuế

TÀI LIỆU XEM THỬ
0913.106015 

Tài liệu chỉ dùng cho mục đích học tập,
không kinh doanh thương mại hoặc giảng dạy

Luật thuế thu nhập cá nhân

Điều 22. Biểu thuế lũy tiến từng phần

Áp dụng: TN từ kinh doanh, tiền lương, tiền công

Bậc	TN tính thuế (tháng)	(%)
1	≥ 5 triệu	5 %
2	5 – 10 triệu	10 %
3	10 – 18 triệu	15 %
4	18 – 32 triệu	20 %
5	32 – 52 triệu	25 %
6	52 – 80 triệu	30 %
7	≥ 80 triệu	35 %

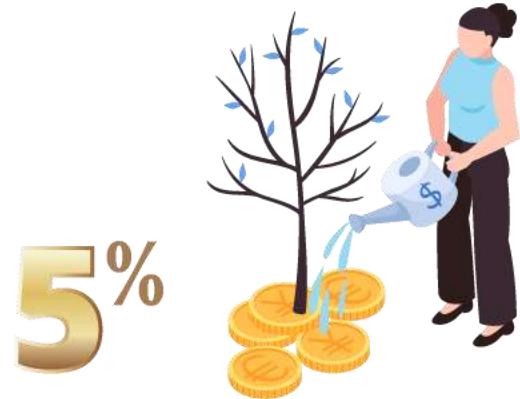
Tài liệu chỉ dẫn cho mục đích học tập,
không kinh doanh thương mại hoặc giả mạo



Luật thuế thu nhập cá nhân

Điều 23. Biểu thuế toàn phần

Áp dụng: TN còn lại



5%

TN từ đầu tư vốn



5%

Bản quyền, nhượng quyền



10%

TN trúng thưởng,
thừa kế, quà tặng



20%

Chuyển nhượng vốn
dùng cho mục đích kinh doanh thương mại hoặc giảng dạy



0,1%

Chuyển nhượng chứng khoán



2%

Chuyển nhượng BDS



TÀI LIỆU XEM TẬP
0913.106020

Tài liệu chỉ dùng cho mục đích học tập,
không kinh doanh thương mại hoặc giảng dạy